

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index bật tăng ngay từ lúc mở cửa phiên sáng lên trên 1,770, tuy nhiên áp lực chốt lời tại đây đẩy chỉ số xuống giằng co trong vùng 1,725 – 1,760 trước khi đóng cửa tại mốc 1,747.17 điểm, giảm gần 7 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Dầu khí giảm mạnh nhất, theo sau là ngành Du lịch & giải trí. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục bán ròng trên cả ba sàn, đặc biệt bán ròng hơn 2.4 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX. Cổ phiếu VIC tiếp tục là trụ đỡ hạn chế đà giảm của VN-Index hôm nay. Chỉ số trải qua một phiên giằng co trong phiên độ lớn trong vùng kháng cự 1,740 – 1,780, thanh khoản tăng. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 09/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-6.57** điểm, đóng cửa tại **1747.17** điểm. HNX-Index **-1.54** điểm, đóng cửa tại **257.14** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+7.27)**, **FPT (+0.59)**, **VCB (+0.20)**, **EIB (+0.12)**, **HCM (+0.11)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-2.46)**, **VPB (-1.79)**, **LPB (-1.60)**, **VPL (-1.40)**, **CTG (-1.29)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **25,899** tỷ đồng, tăng **50.10%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 29,526 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 47.37 điểm. Thị trường có **93** mã tăng, 44 mã tham chiếu, **234** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-2455.16** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VPL (-1081.71 tỷ)**, **VIC (-729.71 tỷ)**, **HDB (-213.74 tỷ)**, **VHM (-204.90 tỷ)**, **STB (-152.34 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-92.17** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-1.09%**. Các mã diễn biến tích cực:
HCM (+1.78%)
FPT (+1.47%) [\(Link báo cáo\)](#)
DGC (+0.96%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.96%**. Các mã diễn biến tích cực:
VIC (+4.78%) [\(Link báo cáo\)](#)
BAF (+2.50%)
DPG (+1.87%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-1.09%	-0.96%	-0.37%	-0.54%
1 tuần	0.00%	-0.19%	1.75%	1.17%
1 tháng	2.48%	1.31%	9.26%	8.13%
3 tháng	-2.95%	-5.49%	6.32%	7.90%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,747.17	257.14	119.68
% 1D	-0.37%	-0.60%	-0.17%
GTKL (tỷ VND)	25,899	1,491	430
%1D	50.10%	32.06%	-11.13%
GDNN (tỷ VND)	-2455.16	-92.17	-21.91

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	224.74	VPL	-1081.71
HPG	149.49	VIC	-729.71
POW	68.13	HDB	-213.74
MWG	46.03	VHM	-204.90
VRE	40.40	STB	-152.34

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

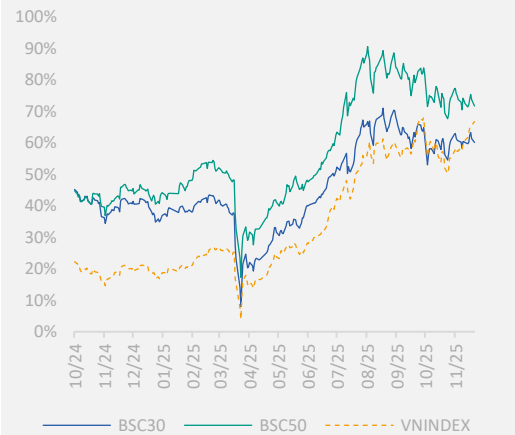
		%D	%W
SPX	6,847	-0.35%	0.50%
FTSE100	9,633	-0.13%	-0.71%
Eurostoxx	5,736	0.04%	0.73%
Shanghai	3,910	-0.37%	0.30%
Nikkei	50,655	0.14%	2.73%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	62.35	-0.28%
Giá vàng	4,202	-0.45%
Tỷ giá		
USD/VND	26,412	0.01%
EUR/VND	31,471	-0.06%
JPY/VND	173	-0.57%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.1%	0.00%
LS LNH 1M	7.0%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

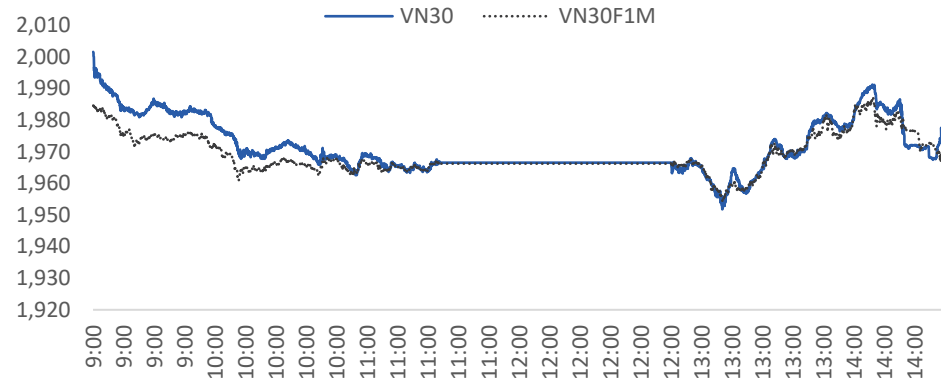
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	1962.90	-0.93%	981	58.5%	15/01/2026	37
41I1G6000	1957.20	-0.90%	35	118.8%	18/06/2026	191
VN30F2512	1970.00	-0.71%	317,713	65.5%	18/12/2025	9
41I1G3000	1966.00	-0.52%	76	145.16%	19/03/2026	100

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 -10.80 điểm, đóng cửa tại 1973.02 điểm. Biên độ dao động 49.82 điểm. Các cổ phiếu như LPB, VPB, VJC, HPG, HDB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 đóng cửa trong sắc đỏ với 5 mã tăng/25 mã giảm. Độ rộng thị trường chưa ghi nhận cải thiện rõ ràng. Thanh khoản nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSTB2534	9/02/2026	62	1,900	48.51%	71.70	200	33.3%	0.01	72.10	48.55	48.55
CVNM2509	23/02/2026	76	166,300	12.74%	66.48	540	22.7%	0.18	70.46	62.50	62.50
CLPB2505	5/01/2026	27	10,300	21.65%	36.69	4,210	22.4%	1.88	53.53	44.00	44.00
CFPT2522	25/12/2025	16	73,400	22.09%	115.59	110	22.2%	0.00	118.31	96.90	96.90
CFPT2524	25/06/2026	198	70,300	33.99%	117.47	500	19.0%	0.10	129.84	96.90	96.90
CFPT2508	5/02/2026	58	80,600	41.93%	136.57	140	16.7%	0.00	137.53	96.90	96.90
CVIC2514	25/06/2026	198	11,300	2.59%	74.44	17,940	12.3%	17.49	164.14	160.00	160.00
CVIC2513	25/05/2026	167	14,800	8.50%	73.50	20,020	11.3%	17.62	173.60	160.00	160.00
CVIC2511	4/05/2026	146	10,100	1.87%	56.99	26,500	10.5%	26.02	162.99	160.00	160.00
CVIB2510	3/03/2026	84	14,500	16.56%	19.22	550	10.0%	0.22	21.16	18.15	18.15
CFPT2523	25/03/2026	106	6,500	26.44%	116.59	240	9.1%	0.04	122.52	96.90	96.90
CVIC2515	16/10/2026	311	93,900	16.49%	122.50	15,970	8.3%	11.55	186.38	160.00	160.00
CFPT2530	9/02/2026	62	22,000	20.42%	113.32	680	7.9%	0.11	116.69	96.90	96.90
CVIC2516	18/01/2027	405	49,200	20.53%	125.00	16,960	7.5%	11.77	192.84	160.00	160.00
CFPT2519	23/02/2026	76	661,900	28.40%	121.39	440	7.3%	0.04	124.42	96.90	96.90
CHPG2534	25/06/2026	198	3,000	30.12%	31.11	810	6.6%	0.32	34.35	26.40	26.40
CSTB2528	23/02/2026	76	2,502,700	8.22%	49.00	1,180	6.3%	1.14	52.54	48.55	48.55
CSTB2517	15/12/2025	6	116,100	0.93%	45.00	2,000	5.8%	1.82	49.00	48.55	48.55
CTPB2504	23/12/2025	14	1,200	3.10%	12.39	2,640	5.6%	2.38	17.42	16.90	16.90
CMWG2521	25/03/2026	106	214,100	15.36%	91.00	1,180	5.4%	0.80	96.90	84.00	84.00

Nguồn: BSC

- Chú thích:**

Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ***:

Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Trong phiên giao dịch ngày 09/12/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
 - CSTB2534 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 33.33%. CMBB2511 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.00%.
 - CVHM2521, CVRE2526, CVRE2525, CSTB2533, CFPT2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVIC2509, CVIC2508, CVIC2511, CVIC2513, CVIC2514 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	160.00	4.78%	7.27	3.88
FPT	96.90	1.47%	0.59	1.70
VCB	58.00	0.17%	0.20	8.36
EIB	22.55	1.12%	0.12	1.86
HCM	22.90	1.78%	0.11	1.08

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PTI	35.60	9.54%	0.24	0.12
SHS	21.20	0.95%	0.11	0.90
VIF	16.10	3.21%	0.11	0.35
DHT	73.00	1.39%	0.05	0.09
SJ1	14.70	9.70%	0.04	0.04

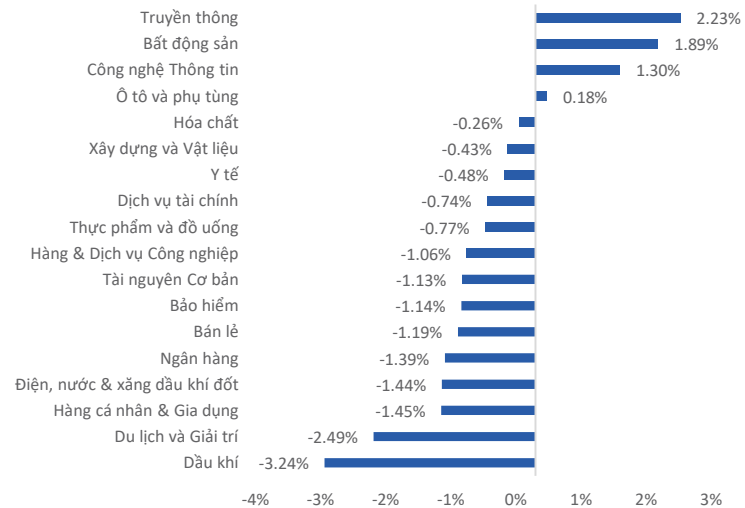
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SVC	25.40	6.95%	0.04	0.02
VSI	25.50	6.92%	0.01	0.07
TTF	3.71	6.92%	0.02	5.17
HVX	2.82	6.82%	0.00	0.08
LCG	11.20	5.66%	0.03	6.76

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SJ1	14.70	9.70%	0.24	0.00
PTI	35.60	9.54%	1.61	0.00
BAX	37.30	9.38%	0.11	0.00
PTD	8.60	8.86%	0.02	0.00
QTC	28.00	8.53%	0.03	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	107.50	-2.27%	-2.46	4.11
VPB	28.75	-3.20%	-1.79	7.93
LPB	44.00	-4.97%	-1.60	2.99
VPL	103.00	-3.10%	-1.40	1.79
CTG	50.10	-1.96%	-1.29	5.37

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSF	74.50	-1.46%	-0.57	0.90
PVI	97.80	-3.93%	-0.53	0.23
KSV	116.00	-1.69%	-0.23	0.20
PVS	31.00	-2.52%	-0.22	0.48
DTK	11.90	-4.03%	-0.19	0.68

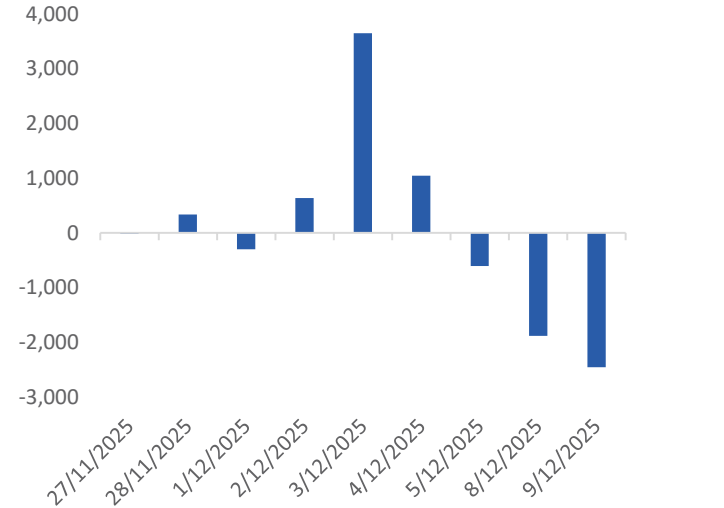
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HII	8.59	-6.93%	-0.01	1.21
ICT	22.15	-6.93%	-0.01	0.10
PLP	7.31	-6.88%	-0.01	0.65
VPS	10.25	-6.82%	0.00	0.08
VTB	24.60	-6.82%	0.00	0.06

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NBW	36.50	-9.88%	-0.15	0.00
SDC	7.30	-9.88%	-0.01	0.00
SSM	4.60	-9.80%	-0.01	0.00
VTC	26.90	-9.73%	-0.05	0.07
INC	19.60	-9.68%	-0.01	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	84.0	-1.1%	1.3	125,521	610.7	3,955	21.5	100,800	46.4%	Link
KBC	Bất động sản	33.5	-1.5%	1.2	31,973	118.4	1,872	18.1	46,000	10.4%	Link
KDH	Bất động sản	33.3	-0.3%	1.1	37,482	192.5	857	39.0	39,900	27.4%	Link
PDR	Bất động sản	21.9	-0.9%	1.4	21,605	229.2	211	104.5	28,200	8.7%	Link
VHM	Bất động sản	107.5	-2.3%	1.2	451,815	1221.3	6,133	17.9	119,600	8.9%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	96.9	1.5%	0.8	162,685	1064.2	5,280	18.1	118,700	38.8%	Link
BSR	Dầu khí	14.5	-3.0%	0.0	74,609	133.4	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	31.0	-2.5%	1.4	16,263	113.6	2,841	11.2	42,800	13.2%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.9	1.8%	1.3	24,299	310.0	1,380	16.3		34.3%	
SSI	Dịch vụ tài chính	28.8	-2.2%	1.2	73,238	933.7	1,881	15.6		32.5%	
VCI	Dịch vụ tài chính	34.1	0.7%	1.1	24,460	442.9	1,589	21.3		14.8%	
DCM	Hóa chất	33.4	-1.3%	1.2	17,894	44.6	3,578	9.5	47,300	3.7%	Link
DGC	Hóa chất	94.9	1.0%	1.3	35,699	252.8	8,296	11.3	109,300	10.6%	Link
ACB	Ngân hàng	24.1	-0.4%	0.9	124,307	309.8	3,385	7.2	28,400	28.9%	Link
BID	Ngân hàng	37.5	-0.1%	1.0	263,301	122.3	3,781	9.9	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	50.1	-2.0%	1.1	274,407	482.4	6,208	8.2	53,500	25.6%	Link
HDB	Ngân hàng	31.5	-3.8%	1.1	126,396	731.6	3,649	9.0	34,400	23.8%	Link
MBB	Ngân hàng	24.7	-2.4%	1.1	203,791	852.1	3,017	8.4	29,300	21.0%	Link
MSB	Ngân hàng	12.8	-1.5%	1.1	40,560	121.4	1,729	7.5	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	48.6	-0.3%	0.9	91,810	830.8	6,519	7.5		14.8%	
TCB	Ngân hàng	33.8	-1.2%	1.1	242,349	565.1	3,112	11.0	41,100	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	16.9	-1.7%	1.2	47,714	285.5	2,358	7.3	-	24.7%	Link
VCB	Ngân hàng	58.0	0.2%	0.8	483,794	418.3	4,202	13.8	73,200	21.3%	Link
VIB	Ngân hàng	18.2	-1.1%	0.9	62,464	171.0	2,225	8.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	28.8	-3.2%	1.1	235,638	1013.3	2,603	11.4	35,650	24.4%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.4	-1.3%	1.0	205,319	1090.9	1,876	14.3	33,170	19.5%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.5	0.0%	1.0	10,246	52.3	1,178	14.0	19,800	4.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	27.3	-1.1%	1.1	10,622	129.1	4,150	6.7	28,800	1.9%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	77.0	-1.2%	1.1	112,637	527.8	2,196	35.5	98,300	23.0%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	62.5	-1.6%	0.6	132,712	341.1	4,160	15.3	64,500	50.4%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	41.5	-2.35%	1.3	9,400	85.7	2,411	17.6	22.9%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	154.5	-1.78%	1.1	26,788	209.8	3,620	43.5	32.2%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	55.0	-1.08%	1.1	41,273	47.4	3,578	15.5	26.9%	11.3%	
DIG	Bất động sản	19.8	-1.00%	1.2	15,929	280.5	508	39.4	3.9%	4.4%	
DXG	Bất động sản	18.1	-2.17%	1.2	18,798	269.5	401	46.0	19.7%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	25.3	-3.07%	1.2	5,214	81.9	3,057	8.5	2.9%	25.2%	
HDG	Bất động sản	30.9	1.48%	1.3	11,247	91.1	938	32.4	20.9%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	37.3	-1.06%	1.3	14,307	106.4	4,849	7.8	11.2%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	35.3	-1.67%	1.2	17,394	69.7	2,143	16.7	45.1%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	53.5	-2.37%	1.0	13,268	24.5	5,474	10.0	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	30.3	-0.16%	0.9	5,463	12.1	1,763	17.2	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	20.1	0.00%	1.4	18,333	107.8	801	25.1	12.5%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	160.0	4.78%	1.4	1,176,711	2076.7	1,147	133.1	3.7%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	32.0	-2.88%	1.3	74,873	369.4	2,144	15.4	13.5%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	36.5	0.14%	1.1	7,718	12.5	1,833	19.9	38.2%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	35.0	-2.91%	0.7	45,805	56.5	2,090	17.3	14.8%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	24.5	-5.42%	0.9	14,369	249.5	1,602	16.1	8.4%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.0	-0.47%	1.3	11,123	34.3	1,262	25.4	24.8%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	28.0	-1.41%	1.8	18,707	138.2	1,672	17.0	4.7%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	64.0	-2.14%	0.9	157,807	47.1	5,014	13.0	1.8%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.5	-2.03%	1.0	34,660	216.9	812	18.2	4.0%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.7	-1.10%	0.8	34,341	21.5	4,776	13.3	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	200.0	-3.10%	0.6	122,109	400.7	2,897	71.3	7.1%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	42.9	-0.46%	1.1	38,893	651.0	2,313	18.6	7.6%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58.5	-1.68%	1.0	25,376	251.0	3,500	17.0	43.1%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	59.6	0.68%	0.7	9,997	102.9	6,185	9.6	6.8%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.1	-1.63%	0.9	8,647	78.3	2,090	8.8	9.6%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	96.8	-1.12%	0.0	11,923	60.7	3,139	31.2	4.7%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	88.5	-1.01%	0.9	30,499	68.2	6,916	12.9	49.0%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	27.5	-0.54%	0.8	3,098	38.8	2,535	10.9	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.5	-1.60%	1.4	2,420	21.0	2,868	6.6	17.0%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	22.7	-1.94%	1.1	15,740	95.2	1,212	19.1	3.6%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	26.9	-0.19%	1.3	107,800	71.8	1,569	17.2	0.5%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.6	1.12%	1.2	41,539	191.2	1,635	13.6	3.0%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	44.0	-4.97%	0.5	138,311	206.6	3,469	13.4	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.3	-1.04%	0.0	24,706	22.6	2,337	6.2	1.5%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.3	-1.21%	0.9	33,022	28.0	1,460	8.5	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.7	-0.63%	1.1	7,049	126.6	571	27.6	4.9%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	28.0	1.08%	1.3	7,375	57.4	2,829	9.8	3.8%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	34.8	2.50%	0.7	10,322	152.3	1,715	19.8	2.9%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	53.3	0.19%	0.9	68,232	236.7	3,373	15.8	58.5%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	55.2	-1.60%	1.1	12,592	51.1	6,944	8.1	19.6%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	157.1	0.77%	0.5	12,762	22.8	14,639	10.7	85.0%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	85.1	-1.73%	1.1	8,784	54.8	6,560	13.2	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	84.9	-0.70%	1.1	9,780	46.2	5,128	16.7	5.0%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	43.5	1.87%	1.0	4,304	27.2	3,037	14.1	5.5%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.8	1.02%	1.2	7,287	101.9	1,106	13.3	9.7%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.8	-2.68%	0.9	9,213	124.5	1,377	16.3	12.2%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	24.5	0.20%	1.0	15,774	141.6	6,148	4.0	4.7%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	42.8	-1.16%	1.3	19,391	56.7	3,090	14.0	2.7%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	X		Click
2	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
3	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
4	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
6	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
9	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
14	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
15	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
16	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
19	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
20	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
21	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
22	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
23	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
24	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
25	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
26	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
27	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>